

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 122/2020/DS-PT

Ngày: 28/05/2020.

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu;

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2020/TLPT-DS ngày 17/02/2020 về việc tranh chấp: “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 156/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2020/QĐ-PT ngày 06/04/2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà **Bùi Thị Bé T**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số A, tổ B, khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang N, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Số C, tổ D, khu E, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

(Theo văn bản ủy quyền công chứng số 1004, quyền số 02/2018-SCT/CK ngày 27/7/2018).

***Bị đơn:** Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1942 (có mặt);

Địa chỉ: Số F, tổ G, khu H, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T.

Địa chỉ: khu H, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn M. Chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn Thái N. Chức vụ: Chấp hành viên sơ cấp Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (có mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1932 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ G, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

*Người kháng cáo: Bị đơn bà **Phạm Thị T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị Bé T trình bày:

Căn cứ theo bản án phúc thẩm có hiệu lực số 387/DS-PT ngày 28/9/2015 của tòa án nhân dân tỉnh T thì bà Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền là 357.098.000 đồng, do không có khả năng tự nguyện thi hành bản án, bà phải chịu thêm 21.961.927 đồng tiền lãi. Tổng cộng bà T phải thi hành bản án với số tiền là 379.059.927 đồng. Bà Bé T đã đồng ý trả thay cho bà T số tiền trên với điều kiện bà Phạm Thị T phải bán cho bà Tư căn nhà số 108, tổ 6, khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh T với giá 950.000.000 đồng sau khi bà Bé T thực hiện nghĩa vụ thay bà T. Thỏa thuận của cả hai bên đã được Chấp hành viên lập các biên bản ngày 11/7/2016 và ngày 23/8/2016. Tuy nhiên, bà T đã không làm thủ tục chuyển nhượng căn nhà trên lại cho bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu buộc bà Phạm Thị T phải tiếp tục thực hiện thỏa thuận như đã hứa.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 08/3/2018 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu buộc bà Phạm Thị T tiếp tục thực hiện thỏa thuận được ghi trong hai biên bản lập ngày 11/7/2016 và ngày 23/8/2016, nội dung bán cho bà T căn nhà số 108, tổ 6, khu 2, thị trấn C huyện C, tỉnh T với giá 950.000.000 đồng; Rút lại yêu cầu buộc chi cục thi hành án dân sự huyện C liên đới cùng bà T trả lại cho bà T 379.059.927 đồng, tính lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 7/2016 cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bà T chỉ yêu cầu buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện C trả cho bà số tiền 379.059.927 đồng theo phiếu thu số 003267 ngày 22/7/2016 và tính lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 7/2016 đến ngày 08/3/2018 là 17 tháng.

Tại bản án sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 08/3/2018, Tòa án nhân dân huyện C tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vụ án bị kháng cáo, kháng nghị. Trong quá trình xét xử phúc thẩm, do phát sinh một số tình tiết phức tạp không thể khắc phục tại phiên tòa nên Tòa án nhân dân tỉnh T đã tuyên hủy bản án, trả hồ sơ để xét xử lại thủ tục sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết lại vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà Bé T yêu cầu bà Phạm Thị T trả cho bà T số tiền là 379.059.927 đồng kèm theo 379.059.927 đồng tiền phạt cọc, tổng cộng là 758.119.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, xin rút lại các yêu cầu khởi kiện trước đây.

*** Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:**

Thực tế bà không có bán phần đất và căn nhà tọa lạc tại số A, tổ B, khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh T cho bà Bùi Thị Bé T. Các biên bản lập ngày 11/7/2016 và ngày 23/8/2016 do chấp hành viên của Chi cục thi hành án dân sự huyện C tự lập và ép bà phải ký tên. Bà không có nhận tiền của bà T nên bà không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Đối với việc bà T rút lại các yêu cầu khởi kiện trước đó bà không có ý kiến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Trần Xuân H tại phiên tòa đưa ra nhiều lý lẽ bảo vệ quyền lợi cho bà T. Ông H cho rằng việc bà Bé T nộp tiền thay cho bà T mà không được sự ủy quyền của bà T là không phù hợp với quy định pháp luật. Đây là giao dịch giữa bà T và Chi cục thi hành án dân sự huyện C nên việc nguyên đơn yêu cầu bà T trả số tiền trên là không hợp lý. Yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T có ông Lê Văn Thái N đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Trong quá trình tổ chức thi hành bản án số 387/DS-PT, ngày 28/9/2015 do bà T và bà Bé T tự thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ thi hành án. Đây là thỏa thuận tự nguyện, được pháp luật cho phép nên Chi cục thi hành án lập phiếu thu số 003267 ngày 22/7/2016 thu số tiền là 379.059.927 đồng. Việc chấp hành viên lập biên bản ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên là do bà T và bà T nhờ chấp hành viên ghi biên bản, với tư cách người làm chứng cho việc thỏa thuận mua bán nhà của bà T và bà T. Chấp hành viên không có tham gia giao dịch trong việc mua bán nhà. Vì vậy Chi cục thi hành án dân sự huyện C không đồng ý hoàn trả lại cho bà T số tiền trên. Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C không có ý kiến.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày:**

Sau khi bản án số 387/DS-PT ngày 28/9/2015 có hiệu lực pháp luật, bà đã được Chi cục thi hành án mời lên để nhận số tiền 379.059.927 đồng. Hiện bà đã nhận đủ tiền, không có khiếu nại gì. Đối với thỏa thuận giữa bà Bùi Thị Bé T và

bà Phạm Thị T bà không biết và cũng không có ý kiến gì về việc tranh chấp của hai bên.

* Bản án sơ thẩm số: 156/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh T căn cứ vào các Điều: 26; 147; 217; 218; 227; 228; 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 166, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Các Điều 476, 474 Bộ luật dân sự 2005;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử vụ án đối với các yêu cầu sau của bà Bùi Thị Bé T:

- Yêu cầu buộc bà Phạm Thị T phải tiếp tục thực hiện thỏa thuận được ghi trong hai biên bản do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C lập ngày 11/7/2016 và ngày 23/8/2016, bán cho bà căn nhà số A, tổ B, khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh T với giá 950.000.000 đồng.

- Yêu cầu buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện C liên đới trả lại cho bà 379.059.927 đồng kèm theo lãi suất theo quy định của pháp luật từ tháng 7/2016 cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

- Yêu cầu buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện C trả lại cho bà T số tiền là 379.059.927 đồng theo phiếu thu số 003267 ngày 22/7/2016 và tính lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 7/2016 đến ngày 08/3/2018 là 17 tháng.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại các yêu cầu đã rút theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận một phần cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bé T. Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho bà Phạm Thị Bé T số tiền 379.059.927 đồng và 118.456.226 đồng tiền lãi. Tổng cộng 497.516.153 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

* Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 20/9/2019 bị đơn bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 156/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của tòa án nhân dân huyện C yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh T xem xét, giải quyết các yêu cầu sau:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bé T.

- Sửa bản án sơ thẩm số 156/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của tòa án nhân dân huyện C.

- Buộc chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T có nghĩa vụ trả tiền lại cho bà Bùi Thị Bé T ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Phạm Thị T vẫn giữ nguyên kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bé T; đề nghị buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện C trả tiền lại cho bà Bé T.

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Bùi Thị Bé T có ông Bùi Quang N không chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T xác định: Quá trình tố tụng, tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không kiến nghị gì thêm. Về nội dung: theo Viện kiểm sát việc thỏa thuận giữa bà T và bà T là tự nguyện, sau đó bà T không thực hiện giao kết, bà T kiện yêu cầu đòi lại tiền, đồng thời phải bồi thường thêm một lần số tiền trên. Án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T và buộc bà T trả lãi là phù hợp với pháp luật. Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Căn cứ và đơn khởi kiện, lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn thể hiện mục đích là đòi lại số tiền đã thi hành án thay thế cho bà T. Rút các yêu cầu khác theo đơn khởi kiện, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến. Do vậy quan hệ tranh chấp được xác định là đòi lại tài sản.

Do không chấp nhận với bản án sơ thẩm đã tuyên, bị đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo nộp trong thời hạn, thủ tục nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét.

[2] Về nội dung: Án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T trả cho bà Bé T 379.059.927 (ba trăm bảy mươi chín triệu, không trăm năm mươi chín ngàn, chín trăm hai mươi bảy) đồng và 118.456.226 (một trăm mười tám triệu, bốn trăm năm mươi sáu ngàn, hai trăm hai mươi sáu) đồng tiền lãi. Bị đơn bà T không chấp nhận nên kháng cáo. Xét thấy tại các biên bản ngày 11/7/2016 và 23/8/2016 được lập tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, đã thể hiện rõ nội dung bà T sẽ nộp tiền thay thế cho bà T để

thi hành bản án dân sự phúc thẩm số 387/2015/DS-PT ngày 28/9/2015, điều kiện là sau đó bà T sẽ bán lại cho bà T căn nhà số 108 của bà T với giá là 950.000.000 (chín trăm năm mươi triệu) đồng. Bà T đã thực hiện nộp số tiền 379.059.927 (ba trăm bảy mươi chín triệu, không trăm năm mươi chín ngàn, chín trăm hai mươi bảy đồng). Tuy nhiên, sau đó bà T không thực hiện giao kết bán nhà, không trả tiền. Theo khởi kiện trước đây bà T có yêu cầu bà T thực hiện thủ tục bán nhà, sau đó bà chỉ đòi lại số tiền đã nộp và yêu cầu phạt cọc.

Tại phiên tòa, mặc dù bà T cố tình không trả lời câu hỏi của Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát, luôn trình bày những vấn đề không liên quan đến phần hỏi. Tuy nhiên, theo tài liệu chứng minh có đầy đủ cơ sở xác định bà T thỏa thuận nhằm làm bà T tin tưởng, thay thế nộp tiền để thi hành án cho bà T sau đó bà phủ nhận tất cả và đổ lỗi cho cơ quan Thi hành án. Từ thực tế trên, án sơ thẩm buộc bà T trả tiền lại cho bà T là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật.

Như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã nhận định: Đây là tranh chấp đòi lại tài sản, số tiền bà T bỏ ra nộp thi hành án thay thế cho bà T không thể hiện đây là tiền đặt cọc để mua nhà. Chấp hành viên không phải là người chứng nhận cho hai bên thực hiện hợp đồng dân sự, biên bản ngày 23/8/2016 không phải là hợp đồng đặt cọc hay hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do vậy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phạt cọc của nguyên đơn. Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền bà T đã bỏ ra là hợp tình, hợp lý, có căn cứ.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân tỉnh T là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 156/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều: 26; 147; 217; 218; 227; 228; 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 166, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Các Điều 476, 474 Bộ luật dân sự 2005;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử vụ án đối với các yêu cầu sau của bà Bùi Thị Bé T:

- Yêu cầu buộc bà Phạm Thị T phải tiếp tục thực hiện thỏa thuận được ghi trong hai biên bản do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C lập ngày 11/7/2016 và ngày 23/8/2016 bán cho bà căn nhà số A, tổ B, khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh T với giá 950.000.000 (chín trăm năm mươi triệu) đồng.

- Yêu cầu buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện C liên đới trả lại cho bà 379.059.927 (ba trăm bảy mươi chín triệu, không trăm năm mươi chín ngàn, chín trăm hai mươi bảy đồng) kèm theo lãi suất theo quy định của pháp luật từ tháng 07/2016 cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

- Yêu cầu buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện C trả lại cho bà T số tiền là 379.059.927 (ba trăm bảy mươi chín triệu, không trăm năm mươi chín ngàn, chín trăm hai mươi bảy) đồng theo phiếu thu số 003267 ngày 22/7/2016 và tính lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 7/2016 đến ngày 08/3/2018 là 17 tháng.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại các yêu cầu đã rút theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận một phần cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bé T. Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho bà Phạm Thị Bé T số tiền 379.059.927 (ba trăm bảy mươi chín triệu, không trăm năm mươi chín ngàn, chín trăm hai mươi bảy) đồng và 118.456.226 (một trăm mười tám triệu, bốn trăm năm mươi sáu ngàn, hai trăm hai mươi sáu) đồng tiền lãi. Tổng cộng 497.516.153 (bốn trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm mười sáu ngàn, một trăm năm mươi ba) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3 Về án phí:

Bà T chịu 23.900.646 (hai mươi ba triệu, chín trăm ngàn, sáu trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Do bà T là người cao tuổi, thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí nên bà được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326. Hoàn lại cho bà Trước 300.000 (ba trăm ngàn)

đồng tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu số 0002407 ngày 20/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T.

Bà Bé T phải chịu 18.952.000 (mười tám triệu, chín trăm năm mươi hai ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà đã tạm nộp 16.284.000 (mười sáu triệu, hai trăm tám mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai thu số 06355 ngày 10/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên phải nộp tiếp 2.660.000 (hai triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 11 giờ ngày 28/05/2020, có mặt ông N, anh N vắng mặt bà T, bà C.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- CC THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV &THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Trung Hiếu

